

Bản án số: 1066/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1054/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hoàng Văn S

2.2. Bà Nguyễn Thị L

Cùng địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn N

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Ông Nguyễn Văn D

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Tuyết trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết là người cùng làng, nên bà T có cho ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị L vay tổng số tiền là 1.980.000.000 đồng, cụ thể theo các giấy vay tiền như sau: Theo Giấy mượn tiền ngày 30/7/2016 thể hiện ông S vay của bà T 100.000.000 đồng, hạn đến ngày 03/01/2017 trả; Giấy mượn tiền ngày 23/11/2016 thể hiện ông S vay của bà T tổng hai lần số tiền 110.000.000 đồng, hạn 4 tháng sau trả; Giấy mượn tiền ngày 08/4/2017 ông S mượn thêm 30.000.000 đồng, không hạn thời gian trả tiền; Giấy mượn tiền ngày 05/6/2017 ông S vay của bà T 140.000.000 đồng, hạn sau 6 tháng sẽ trả; Giấy mượn tiền ngày 01/9/2019 thể hiện ông Nguyễn Văn D và ông Hoàng Văn S có vay của bà T số tiền 550.000.000 đồng, hạn ngày 01/01/2018 sẽ hoàn trả đầy đủ; Giấy mượn tiền ngày 16/12/2017, ông S vay của bà T 200.000.000 đồng, hạn sau 3 tháng sẽ trả; Giấy mượn tiền ngày 07/6/2018, ông S vay thêm 200.000.000 đồng của bà T và hạn 3 tháng trả; Giấy vay tiền ngày 12/6/2018 (nhưng ghi nhầm là ngày 12/6/2017) vợ chồng bà L, ông S có vay thêm của bà T 100.000.000 đồng, không hạn ngày trả; Mặt sau của giấy vay tiền ngày 07/6/2018 có ghi ngày 02/8/2018 bà L vay tiếp bà T 50.000.000 đồng, không hạn thời gian trả. Trước đó, bà L và ông S đã vay của bà T 500.000.000 đồng nhưng bà T không còn giữ giấy vay nợ, ông S bà L cũng thừa nhận số tiền vay 500.000.000 đồng nêu trên. Trong các giấy vay tiền nêu trên hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng thực tế có thỏa thuận miệng với nhau lãi 1,5%/tháng/số tiền vay. Sau khi vay tiền, ông S bà L có trả cho bà T được một ít tiền lãi, cụ thể là bao nhiêu bà T không nhớ rõ, khi trả lãi hai bên không làm biên nhận. Đến ngày 30/5/2019, bà T và bà L đã chốt lại là bà L và ông S còn nợ bà T số tiền gốc là 1.880.000.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng bị đơn cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ. Ngày 05/7/2019, bà T đã gửi thông báo đòi nợ cho ông S, bà L yêu cầu trả nợ cho bà T nhưng không có kết quả. Nay, bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.880.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Về các giấy vay nợ và số tiền vay nợ như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, việc vay có lãi suất là 7%/tháng, bà có trả lãi cho bà T đến tháng 01/2019 thì không trả nữa, khi trả lãi 02 bên không làm biên nhận, vợ chồng bà đã trả cho bà T tiền gốc, chỉ còn thiếu tiền gốc là 500.000.000 đồng, khi trả tiền gốc không làm biên nhận gì, bà T không trả lại bản chính giấy vay tiền cho bà. Ông Nguyễn Văn D là em ruột của bà, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 01/9/2017 là của ông D, ông D vay của bà T, bà đã trực tiếp trả cho bà T số tiền trong giấy vay tiền này nên không liên quan gì đến ông D nữa.

Đối với Giấy thỏa thuận ngày 30/5/2019, là do bà T bảo bà ký vào, nhưng khi ký không có hàng chữ tổng số tiền nợ gốc là 1.880.000.000 đồng, hàng chữ

này là do bà T ghi thêm. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Bà chỉ đồng ý trả cho bà T 500.000.000 đồng tiền gốc.

Bị đơn ông Hoàng Văn S, đã được triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông S vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông S đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do ông S vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, đã được triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông D vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày: Ông là chồng bà T, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là tiền riêng của bà T. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; ông Phạm Văn N có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà L, ông D và ông N.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà T có cho ông S, bà L vay tiền làm nhiều lần, với tổng số tiền là 1.980.000.000 đồng, đến ngày 30/5/2019, bà T và bà Nguyễn Thị L đã chốt lại là

bà L và ông S còn nợ bà T số tiền gốc là 1.880.000.000 đồng. Cụ thể, tại giấy thỏa thuận ngày 30/5/2019 có nội dung: “Tôi và chồng tôi có nợ cô T một số tiền, tôi hứa bán nhà xong tôi sẽ hoàn trả cho cô tổng số tiền nợ gốc là 1.880.000.000 đồng”. Ngày 05/7/2019, bà T đã gửi thông báo đòi nợ cho ông S và bà L yêu cầu trả nợ cho bà T nhưng ông S và bà L vẫn không trả. Bà L cho rằng đã trả tiền gốc và chỉ còn nợ tiền gốc là 500.00.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.880.000.000 đồng.

[3.2] Đối với tiền lãi: Bà L cho rằng vay lãi suất 7%/tháng, bị đơn có trả tiền lãi cho bà T đến tháng 01/2019 thì không trả nữa nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; bà T không thừa nhận vay lãi suất là 7%/tháng và bà L cũng không yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho bà T, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 469 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

Buộc ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị T 1.880.000.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.400.000 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho bà Hoàng Thị T 40.300.000 (bốn mươi triệu ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0026206 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường